

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-PT
Ngày: 25/02/2026
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
hợp tác*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
- *Các Thẩm phán:* 1. Bà Giang Thị Vượng.
2. Ông Vũ Đức Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 2 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa dân sự phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2025/TLPT-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng hợp tác*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST, ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lai Châu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐ-PT, ngày 30/12/2025, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐ-PT ngày 27/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Diệp T, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Bản M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nay là Bản M, xã B, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Tăng Thị H, sinh năm 19XX. Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nay là xã T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Hợp tác xã C - T. Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã T, tỉnh Lai Châu). Đại diện: Bà Tăng Thị H - Chức vụ Giám đốc (có mặt).

3.2. Ông Lê Văn T, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Địa chỉ: Bản M, thị trấn T huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Bản M, xã B, tỉnh Lai Châu) (vắng mặt có lý do).

4. *Những người làm chứng:*

4.1. Ông Tạ Bạch M, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Bản S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Bản S, xã B, tỉnh Lai Châu) (vắng mặt không có lý do).

4.2. Ông Nghiêm Xuân T1, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu) (vắng mặt không có lý do).

4.3. Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là Bản M, xã M, tỉnh Sơn La) (vắng mặt không có lý do).

4.4. Ông Lò Văn S, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Bản Cx, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là Bản C xã P, tỉnh Sơn La) (vắng mặt không có lý do).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Tăng Thị H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T trình bày:**

Bà Nguyễn Diệp T và bà Tăng Thị H thỏa thuận dùng tư cách pháp nhân của Hợp tác xã (viết tắt HTX) C-T (việc hợp tác giữa bà T và bà H là việc cá nhân của bà T và bà H không liên quan đến các thành viên của hợp tác xã C-T) để hợp thức hóa thủ tục thực hiện dự án chanh leo theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Lai Châu, thỏa thuận mỗi người góp 50% vốn gốc bằng tiền để đầu tư dự án chanh leo triển khai trên địa bàn huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu sau khi trừ tiền gốc, lãi quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng, lợi nhuận là mỗi người sẽ hưởng một nửa (50%) trên tổng lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh dự án chanh leo. Việc hợp tác giữa bà T và bà H không lập thành văn bản nhưng có các bản ghi âm thể hiện việc thỏa thuận hợp tác.

Tháng 3 năm 2023, bà T và bà H dùng tư cách pháp nhân của HTX C-T đại diện bà T và bà H để ký kết hợp đồng mua bán giống Chanh leo số: 2111/2022/HĐKT/CLNF-BL với Hợp tác xã Nông nghiệp Bảo S (viết tắt HTX B); theo hợp đồng thì HXT Nông nghiệp B bán cây giống Chanh leo Đài nông 1 số lượng 35.000 cây, đơn giá 32.000 đồng, thành tiền 1.120.000.000 đồng; việc giao cây giống chanh leo chia làm 02 đợt (Trong 02 đợt giao này mỗi tháng có thể chia làm 1 hoặc 2 lần giao):

Đợt 1: Tháng 4 năm 2023

Đợt 2: Tháng 5 năm 2023

Do chưa có vốn nên bà T và bà H thỏa thuận là vay tiền của ông Lê Văn Tấn, sinh năm 1974 với số tiền là: 163.200.000 đồng để thanh toán số tiền đặt cọc giống chanh leo đợt 01 (theo Giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 28/03/2023) cho HTX B. Việc vay tiền giữa bà T, bà H và ông T không có văn bản gì, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Diệp T đã chuyển số tiền 163.200.000 đồng vào tài khoản số: 7904205251884 Ngân hàng Agribank mang tên Lò Văn S (ông S là Chủ tịch HĐQT – Giám đốc của HTX B).

Do thiếu tiền thanh toán tiền giống Chanh leo cho HTX Nông nghiệp B và tiền nợ ông Lê Văn T nên bà T và bà H thỏa thuận để bà T dùng Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số DC 312681 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07/09/2021 là tài sản của bà T để thế chấp vay tại Quỹ Tín dụng nhân dân xã Tam Hồng theo hợp đồng tín dụng số K.U: 245/23 ngày 13/04/2023 với tổng số tiền vay là: 700.000.000 đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Việc thỏa thuận vay số tiền 700.000.000 đồng giữa bà T và bà H không có văn bản nhưng bà T có các bản ghi âm thể hiện việc bà H đồng ý vay và trả nợ; Số tiền 700.000.000 đồng dùng vào các mục đích sau:

- Thanh toán 163.200.000 đồng cho ông Lê Văn T - là khoản vay chung của bà T và bà H.

- Thanh toán tiền giống Chanh leo còn lại theo Giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 28/03/2023 cho HTX Bảo S vào ngày 01/5/2023 với số tiền 390.400.000.

- Số tiền còn lại là: 146.400.000 đồng, trong đó: bà H vay 100 triệu đồng còn 46.400.000 đồng bà T sử dụng trả dự án mua bán phân gà. Nhưng số tiền này bà T không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Trên thực tế, đợt 1: Việc nhận cây giống chanh leo với HTX Bảo S được chia làm hai ngày:

- + Ngày 16/4/2023 nhận 67 thùng, mỗi thùng 100 cây, tổng là 6.700 cây giống chanh leo;

- + Ngày 29/4/2023 nhận 106 thùng, mỗi thùng 100 cây, tổng là 10.600 cây.

Tổng hai lần nhận cây giống là 17.300 cây. Việc giao nhận cây cho bà con nhân dân được thực hiện sau mỗi lần nhận cây giống khoảng 4, 5 ngày tùy thuộc vào điều kiện thời tiết.

Đến ngày 17/5/2023, bà H không cho bà T hợp tác làm ăn nữa nên bà T đã đòi 553.600.000 đồng tiền gốc, lãi mà bà T và bà H vay để bà T trả lại cho Quỹ Tín dụng nhân dân xã Tam Hồng nhưng bà H từ chối trả bà T.

Ngày 28/10/2023, bà T được biết cơ quan chức năng đã thanh toán tiền lợi nhuận 138.400.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của HTX C-T do bà H làm giám đốc. Sau khi nhận tổng số tiền lãi và toàn bộ tiền gốc đã đầu tư đợt 01 từ các cơ quan chức năng nhưng bà Tăng Thị H không trả cho bà T đồng nào. Sau nhiều lần bà T đòi tiền thì đến ngày 08/11/2023, bà Tăng Thị H đã chuyển trả bà T đủ số tiền gốc là: 553.600.000 đồng (*Năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn*) để bà T trả gốc nợ cho khoản vay chung của bà T và bà H tại Quỹ Tín dụng nhân dân xã Tam Hồng.

Tổng số tiền lãi mà một mình bà T bỏ tiền cá nhân ra để trả cho Quỹ tín dụng xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đối với số tiền: 553.600.000 (*Năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng mà bà T và bà H vay để mua giống Chanh leo từ ngày 13/04/2023 đến ngày 09/11/2023 với tổng thời gian là 07 tháng là: $553.600.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 38.752.000$ (*Ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn*) đồng.

Tổng số tiền lãi từ việc kinh doanh Chanh leo giữa bà T và bà H sau khi trừ chi phí còn lại là: 138.400.000 đồng - 38.752.000 đồng = 99.648.000 (*Chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn*) đồng, bà T và bà H mỗi người nhận được số tiền lãi là: 99.648.000 đồng: 2 = 49.824.000 (*Bốn mươi chín triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà Tăng Thị H phải trả lại cho bà T là: 38.752.000 đồng + 49.824.000 đồng = 88.576.000 (*Tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn*) đồng; Số tiền này bà T đã liên hệ bà H để đòi rất nhiều lần và có làm đơn gửi ra Công an xã Hồ Thầu để giải quyết yêu cầu nhưng bà H từ chối trả cho bà T.

Bà T xác nhận bà Tăng Thị H đã trả cho bà 3.450.000 đồng tiền lãi vào khoảng cuối tháng 5/2023 (đây là một nửa tiền lãi của số tiền vay quỹ tín dụng xã Tam Hồng là 700.000.000 đồng).

Quá trình giải quyết, bà T trình bày thêm trong quá trình hợp tác, bà T và bà H thuê kỹ thuật và làm giấy tờ thủ tục hết số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng, ngoài ra không bỏ thêm bất cứ chi phí nào khác.

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà Tăng Thị H phải trả lại cho bà số tiền là: 38.752.000 đồng + 49.824.000 đồng = 88.576.000 (*Tám mươi tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn*) đồng. Vì bà H đã trả cho bà T số tiền 3.450.000 đồng tiền lãi của khoản vay chung giữa bà T và bà H tại quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng nên bà T yêu cầu bà H trả cho bà T tổng số tiền 85.126.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay sau khi trừ đi chi phí là 10.000.000 đồng (tiền thuê kỹ thuật và làm giấy tờ thủ tục) mà cả hai bên đều phải chịu, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà T yêu cầu bà H trả cho bà T số tiền 80.126.000 đồng (*Tám mươi triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2024 bà Tăng Thị H trình bày:**

Khoảng tháng 02/2023, hai vợ chồng bà Nguyễn Diệp T lên nhà bà H nói chuyện có bà chị gái ông Tấn (ông T là chồng bà T) cho vay 1.000.000.000 đồng không lãi suất để làm ăn. Bà T hỏi bà H là năm nay anh chị có làm chanh leo không cho em xin vào hợp tác xã trồng trọt - chăn nuôi của chị để cùng làm ăn. Bà T nói với bà H chị làm giám đốc hợp tác xã thì cho em xin vào làm phó giám đốc, chị có con dâu thì chị làm giấy tờ dự án còn em bỏ tiền ra làm dự án, xong dự án trừ tất cả chi phí còn lại thì chị em mình chia đôi. Bà H nhất trí với đề nghị của bà T.

Ngày 25/3/2023, bà H bổ nhiệm bà T làm phó giám đốc của HTX Chăn nuôi- trồng trọt để hỗ trợ mọi mặt trong HTX do bà H làm giám đốc. Sau khi bổ nhiệm bà T làm phó giám đốc thì chúng tôi tiến hành bàn bạc mua bán giống cây chanh leo với Hợp tác xã Nông nghiệp B (viết tắt HTX B). Đến tháng 3 năm 2023, bà H và bà T thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán giống cây chanh leo số 211/2022/HĐKT-CLNF-BL với HTX B.

Sau khi kí hợp đồng ngày 28/3/2023, bà H, bà T, ông S – đại diện HTX B đã bàn bạc thống nhất: Hợp tác xã C-T đặt cọc 30% tổng giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 163.200.000 đồng cho HTX B và bà T đã chuyển tiền đặt cọc cho ông Lò Văn S – Giám đốc HTX B.

Sau khi bà T chuyển tiền cho ông Lò Văn S thì mấy ngày sau bà T lên nhà bà H nói về việc ông T không đồng ý cho bà T vay số tiền 1 tỷ đồng nữa và đề nghị vay tiền ngân hàng để làm. Tiếp nhận thông tin từ bà T trao đổi, bà H có trao đổi lại với bà T là nếu vay Ngân hàng để làm tiếp thì bà H không đồng ý.

Từ đó bà H đã yêu cầu bà Nguyễn Diệp T phải góp vốn vào HTX C-T theo Điều lệ HTX C-T và Luật hợp tác xã. Tuy nhiên, bà T không đồng ý. Vì vậy, ngày 25/04/2023 bà H ban hành Quyết định bãi nhiệm chức vụ Phó giám đốc của bà T.

Ngày 26/04/2023 bà H giao Quyết định bãi nhiệm chức vụ Phó giám đốc của bà T. Khi đó bà T mới cho bà H biết về việc bà T đã chuyển thêm tiền cho HTX B. Tổng số tiền bà T đã chuyển cho HTX B là 553.600.000 đồng. Bà T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi cho T và không liên quan đến nhau nữa.

Ngày 27/04/2023 ông Lò Văn S - Giám đốc HTX B và bà H - Giám đốc HTX C-T đã thỏa thuận, thống nhất hủy Hợp đồng số 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023. Lý do hủy hợp đồng 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023:

Thứ nhất, số diện tích không đúng với số diện tích đi đo cho bà con

Thứ hai, Số cây giống không đúng với số bà con được đăng ký và cấp cho bà con

Thứ ba, Giá cây giống đã tăng lên rất cao.

Như vậy, hợp đồng 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023 đã chấm dứt hiệu lực vào ngày 27/04/2023.

Ngày 28/4/2023 ông Lò Văn S - Giám đốc HTX B và bà H - Giám đốc HTX C-T đã thỏa thuận, thống nhất ký Hợp đồng mua bán cây giống chanh leo. Ngày 05/06/2023 bà H và ông S đã giao nhận tiền và cây giống cho nhau.

Ngày 07/11/2023, ông Lò Văn S đã gửi cho bà H số tiền 553.600.000đ, số tiền đặt cọc theo hợp đồng 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023 và ngày 08/11/2023, Hợp tác xã C-T đã chuyển số tiền 553.600.000 đồng cho bà T.

Bà H trình bày:

- Bà Nguyễn Diệp T khai về việc bà T có thỏa thuận với bà để vay tiền quỹ tín dụng nhân dân xã T và buộc bà phải trả tiền lãi cho khoản vay đó là không có căn cứ, bởi vì bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà T vay Ngân hàng có thỏa thuận và được sự đồng ý của bà H;

- Bà T khai vào ngày 28/10/2023 HTX C-T nhận được tổng số tiền lợi nhuận của Hợp đồng mua bán giống cây Chanh leo Số: 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL với HTX B là 163.200.000 đồng là không có căn cứ, bởi Hợp đồng số

2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023. Lý do hủy hợp đồng 2111/2022/HĐKT-CLNF-BL đã ký vào tháng 03/2023 đã bị hủy bỏ vào ngày 28/4/2023; Sao kê ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện T đối với số tài khoản 7801201004186 - HTX C-T thì không có số tiền 138.248.000đ được chuyển vào tài khoản ngày 28/10/2023;

- Bà Nguyễn Diệp T khai ngày 17/4/2023 bà T và bà H cùng cơ quan có thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã giao 17.300 cây cho bà con là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ngày 30/5/2025 bà Tăng Thị H trình bày:

Bà H không nhớ ngày nhưng khoảng tháng 2 năm 2023, vợ chồng bà T lên nhà bà H ăn cơm và nói bà chị gái cho vay 1 tỷ để làm ăn nhưng đang không biết làm ăn gì, bà T nói nếu có dự án trồng chanh thì cho bà T trồng chung, bà T sẽ bỏ vốn còn bà H lo giấy tờ. Bà H có nói rõ trồng chanh không có lãi nhưng sau này mua quả mới có lãi và mua trong vòng 03 năm, năm nay bà H trồng ít nên tự bà H làm. Sau đó bà T lên nhiều lần xin làm cùng, chồng bà H là ông Khoa động viên bà H nên bà H làm cùng bà T. Hai bên thỏa thuận hai chị em làm dự án chanh leo trong 3 năm, trồng xong đến lúc ra quả rồi thu quả cho bà con lãi sẽ chia đôi.

Đến ngày 26 hay 27/3/2024, ông Lò Văn S sang làm hợp đồng cây chanh leo giá 32.000 đồng/cây. Bà T là người bỏ tiền ra khoảng hơn 160 triệu để đặt cọc lấy cây giống. Giữa bà và bà T có ký hợp đồng với ông S. Thời điểm đó bà H bổ nhiệm cho bà T làm phó giám đốc hợp tác xã (viết tắt HTX). Khoảng vài hôm sau bà T có đi theo bà H hai buổi để đo đất. Đến ngày nào bà H không nhớ cụ thể thì có chị Hằng vợ anh Nghiêm Xuân T1 gọi điện cho bà nói chuyện bà T nhận phân lân chỗ T1 là của bà T. Sau đó, bà có gọi bà T để nói chuyện và cho bà T nghỉ không làm cùng dự án chanh leo với bà nữa và bà làm thủ tục bãi nhiệm bà T.

Đối với file ghi âm vào lúc 06 giờ sáng ngày 13/3/2023 bà H thừa nhận đúng là giọng nói của bà H, đây là giọng nói của bà H và anh Lò Văn S và bà Nguyễn Diệp T thỏa thuận về việc mua giống cây chanh leo.

Đối với hình ảnh hợp dân ngày 19/4/2023, video và hình ảnh đi đo đất ngày 30/3/2023 mà bà T cung cấp bà H thừa nhận đó là hình ảnh hợp dân, bà H không nhớ ngày, video và hình ảnh đi đo đất ngày 30/3/2023 đúng là có bà T tham gia.

Đối với hình ảnh bàn giao giống cho bà con nhân dân và ảnh bà T chụp vào ngày 29/4/2023 cùng với các thùng giống: Hình ảnh này là đúng nhưng việc giao cây do bà H thực hiện lúc đó bà H đã bãi nhiệm phó giám đốc với bà T rồi và lúc này hai bên không làm ăn chung nhau nữa.

Đối với 02 file Video quay vào 12 giờ 38 phút ngày 27/10/2023 bà H thừa nhận đúng là giọng nói và hình ảnh của bà H, video này quay vào trưa ngày nào thì bà H không nhớ, bà T đến nhà Bà H và nội dung nói chuyện trong video là đúng thực tế.

Bản ghi Mới 6 thể hiện ghi âm thời lượng 06 phút 35 giây vào ngày 17/5/2023 và bản ghi Mới 7 thời lượng 03 phút 11 giây ngày 17/5/2023 bà H thừa

nhận đúng là giọng nói của bà H, đây là hôm bà H và bà T tính tiền với nhau để bà H trả lãi cho bà T, lãi vay quỹ tín dụng của số tiền 553.600.000 đồng trong tổng số 700.000.000 đồng mà bà T vay, bà H đã trả cho bà T số tiền lãi là hơn 3 triệu đồng và 900.000 đồng tiền token (chữ kí số) và hẹn rõ từ nay trở đi tiền của ai người đầy lo, tuy nhiên ghi âm này đã bị cắt bớt đoạn sau bà T và bà H nói chuyện.

Đối với file ghi âm Tang Thi Hanh, bà H thừa nhận đúng là giọng nói của bà H, đoạn này là bà H và bà T nói chuyện vào hôm thanh toán tiền lãi mà bà H đã trả cho bà T hơn 3 triệu đồng và 900.000 đồng tiền token (chữ kí số).

Đối với video quay về hình ảnh bà H đang bàn giao giống cho bà con nhân dân ngày 30/4/2023 và video quay việc đo đất ngày 30/3/2023: bà H thừa nhận đúng là hình ảnh bà H đang bàn giao giống cho bà con nhân dân vào ngày bao nhiêu thì bà H không nhớ, còn việc đo đất đúng như thực tế.

Đối với bản ghi âm H 1 thời lượng 01 phút 51 giây ngày 17/5/2023 và bản ghi âm H 2 thời lượng 26 giây thời gian 17/5/2023: bà H thừa nhận đúng là giọng nói của bà H và bà H với bà T đang trao đổi, bà T hỏi bà H tháng trước có trả lãi cho chị T không bà H trả lời có tức là bà T yêu cầu bà H trả lãi của số tiền 163 triệu đồng (đặt cọc giống cây) thì bà H đã trả cho bà T.

Từ năm 2023 bà H dùng zalo số điện thoại 0963094376 và dùng cho đến nay, bà H đã dùng số điện thoại này 14-15 năm nay và không dùng số điện thoại khác. Các đoạn tin nhắn zalo mà bà T cung cấp cho Tòa án: Tin nhắn zalo bà H không nhớ, khi được Tòa án cho xem các đoạn tin nhắn giữa bà H và bà T nhưng bà H không nhớ.

Đối với lời khai của ông Lò Văn S ngày 24/4/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường mà Tòa án đã cho bà H tiếp cận: đối với lời khai của ông S về việc giao cây giống lần 1 là 67 thùng ngày 16/4/2023 là sai, ngày giao cây giống 67 thùng là ngày 27/5/2023, bà H có biên bản giao nhận hàng do ông Lò Văn S kí và ông Nguyễn Hữu Tứ kí. Việc ông S nói đợt 1 xong với bà T là sai, đợt 2 là thực hiện sau khi hủy hợp đồng là sai, vì thực hiện 1 đợt đến ngày 31/5/2023 mới xong. Hai bên thực hiện việc giao cây làm 04 lần, lần 1 vào ngày 29/4/2023 với 106 thùng, mỗi thùng 100 cây; lần 2 ngày 22/5/2023 với 74 thùng, mỗi thùng 100 cây; lần 3 ngày 27/5/2023 với 67 thùng, mỗi thùng 100 cây; lần 4 ngày 31/5/2023 với 96 thùng, mỗi thùng 100 cây. Tổng là 343 thùng với 34.300 cây giống. Việc ông S khai giá 32.000 đồng/cây là lúc làm hợp đồng giữa bà H với ông S và bà T là đúng nhưng sau đó cây giống lên giá mà hai bên chưa giao nhận cây giống thì ông S báo giá là 40.000 đồng/cây nên chúng tôi đã hủy hợp đồng và kí lại với giá là 40.000 đồng/cây. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận giao giống cây làm hai đợt nhưng thực tế không có giống cây nên hai bên đã giao làm 4 lần mới xong.

Đối với lời khai của ông Nguyễn Hữu T2 ngày 24/4/2025 mà Tòa án cho bà H tiếp cận: lời khai của ông T2 là sai, việc giao 67 thùng là vào lần 3 ngày 27/5/2023 chứ không phải ngày 16/4/2023, giao lần 2 ngày 29/4/2023 lúc này bà

H đã không cho bà T hợp tác cùng rồi và bà H đã bãi nhiệm bà T rồi thì không có việc bà T tham gia giao nhận cây.

Đối với lời khai của ông Tạ Bạch M ngày 17/3/2025 mà bà H được Tòa án cho tiếp cận: Việc ông M khai các đợt giao cây giống đều có mặt bà T là sai, bà T chỉ lên nhà bà H quay video giao nhận cây một lần nhưng bà H không nhớ là ngày nào. Việc ông M khai 03 đợt giao cây không đúng, hai bên giao làm 04 lần như bà H đã khai ở trên.

Số tiền thanh toán cho hợp đồng với ông Lò Văn S do bà H là người trả, bà H trả bằng tiền mặt của bà H và trả qua tài khoản do bà H nhờ anh Nghiêm Xuân T1 chuyển khoản cho ông S.

Việc bà T vay số tiền 700.000.000 đồng: Bà H biết việc bà T vay số tiền 700.000.000 đồng, bà T có trao đổi với bà H là hiện nay ông Tấn đòi số tiền đặt cọc là hơn 160 triệu (bà H không nhớ số tiền cụ thể), bà T bảo vợ chồng bà T phải về xã T vay tiền để làm ăn, khi vay tiền xong thì bà T bảo lấy số tiền vay của Quỹ tín dụng này để bà T và bà H trả tiền thanh toán cho ông T trước và bà T và bà H phải chịu lãi của số tiền hơn 160 triệu này. Lúc đó bà H đồng ý với ý kiến của bà T và trả hơn 160 triệu cho ông T và bà H phải trả tiền lãi của số tiền này. Vào ngày nào bà H không nhớ thì bà T (không rõ nhắn tin hay gọi điện cho bà H) báo là đã gửi số tiền hơn 300 triệu cho ông Lò Văn S. Cho nên bà H đã phải trả lãi cho bà T hơn 3 triệu đồng cho số tiền hơn 500 triệu mà bà T bảo đã thanh toán cho ông S. Tổng bà H đã trả lãi cho bà T 01 lần cho số tiền lãi của số tiền hơn 160 triệu và 01 lần cho số tiền hơn 500 triệu, tuy nhiên bà H đã trả lãi bao nhiêu tiền thì bà H không nhớ. Sau khi trả xong tiền lãi bà H và bà T không còn hợp tác với nhau. Đối với số tiền hơn 500 triệu mà bà T chuyển cho ông S bà H không liên quan. Tuy nhiên, sau nhiều lần bà T cãi nhau với bà H thì bà H cũng gọi cho ông S nên ông S đã trả tiền mặt của số tiền hơn 500 triệu và bà H đã nhận và chuyển vào tài khoản của hợp tác xã C-T và chuyển trả cho bà T.

Số tiền bà bỏ ra để thực hiện dự án là tiền của cá nhân bà H chứ không liên quan đến tiền của hợp tác xã C-T.

*** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:**

Thời điểm tháng 3/2023 bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T có bàn bạc với nhau là có hợp đồng trồng cây chanh leo có lợi nhuận, nhưng không có vốn nên bà H và bà T vay ông T số tiền 163.200.000 đồng mục đích để trả tiền cây giống. Số tiền 163.200.000 đồng ông Tấn để trong tài khoản của vợ ông T là bà Nguyễn Diệp T, sau khi ông Tấn nhất trí cho vay thì bà T đã chuyển khoản cho ông Lò Văn S. Sau đó bà H cùng chồng bà H là ông Khoa và bà T cùng đến nhà ông T bàn bạc để nhờ ông T vay 700.000 triệu đồng từ Quỹ tín dụng nhân dân xã T (trong đó mục đích trả lại cho ông T 163.200.000 đồng và số tiền còn lại sẽ giao tiền cho ông Lò Văn S để mua giống cây chanh leo). Khi bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T nhờ ông T vay tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân xã T với vai trò là Hợp tác xã C-T. Hợp đồng vay vốn từ quỹ tín dụng Quỹ tín dụng nhân dân xã T

do hai vợ chồng ông T, bà T vay. Giữa ông T và bà H, ông Khoa và bà T không lập hợp đồng, chỉ do quen biết nên nói chuyện với nhau. Ông Lê Văn T đã nhận được số tiền 163.200.000 đồng do bà T và bà H trả, còn lại số tiền 700.000.000 đồng là ông Tấn đứng tên vay hộ bà T và bà H chứ không liên quan đến ông.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã C-T theo đúng quy định của pháp luật nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã C-T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì (thành viên của HTX Chăn nuôi- Trồng trọt ông Nguyễn Xuân S trình bày HTX không có dự án Chanh leo, quy trình bổ nhiệm bà T là phó giám đốc HTX ông không biết).

*** Những người làm chứng:**

Ông Lò Văn S trình bày: ông là giám đốc của Hợp tác xã Nông nghiệp B (viết tắt HTX B). Vào khoảng đầu tháng 3 năm 2023 (ông không nhớ rõ ngày) ông có đại diện cho HTX B kí kết hợp đồng mua bán cây giống chanh leo số 2111/2022/HĐKT/CLNF-BL (không có ngày, ghi tháng 3 năm 2023) với Hợp tác xã C-T do bà Tăng Thị H làm giám đốc và bà Nguyễn Diệp T. Các bên thực hiện mua bán cây chanh leo do HTX B cung cấp cho HTX C-T do bà Tăng Thị H là giám đốc và bà Nguyễn Diệp T. Ông Lò Văn S cung ứng 35.000 cây giống chanh leo Đài Nông 1 với giá 32.000 vnd/cây và chia được hai đợt giao cây, đợt 1 vào tháng 4/2023 và đợt 2 là tháng 5/2023. Số tiền đặt cọc đợt 1 của hợp đồng là 163.200.000 đồng, số tiền này ngày 28/3/2023 bà T là người chuyển tiền cọc cho ông vào số tài khoản 7904205251884 mang tên Lò Văn S mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Mai Sơn. Ông S đã chuyển cây giống đợt 1 cho bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T và chia làm hai lần giao, lần 1 giao 67 thùng, mỗi thùng 100 cây vào ngày 16/4/2023 có mặt của chị T lúc giao nhận cây, đợt 2 vào ngày 29/4/2023 giao 106 thùng, mỗi thùng 100 cây (đợt 2 này do thời gian đã lâu nên ông S không nhớ có mặt chị T hay không). Ông Lò Văn S thừa nhận số zalo 0962343149 này là của ông và các đoạn tin nhắn do chị T cung cấp cho Tòa án đúng nội dung tin nhắn giữa ông và bà T. Ngày 01/5/2023, ông đã được nhận thêm từ bà T 390.400.000 đồng do bà T chuyển khoản qua số tài khoản 41110000690105 mang tên Lò Văn S mở tại Ngân hàng BIDV huyện Mai Sơn.

Tổng số cây giống của đợt 1 ông S đã bàn giao là 17.300 cây, chia làm hai đợt giao cây như ông S đã khai ở trên và ông đã nhận toàn bộ giá trị của hợp đồng đợt 1 là 553.600.000 đồng do bà Nguyễn Diệp T chuyển khoản (ông S chỉ nhận tiền thanh toán từ bà T cho giá trị hợp đồng đợt 1 là 553.600.000 đồng ngoài ra ông S không nhận của ai khác).

Ngày 27/4/2023 ông S có đại diện cho HTX B ký biên bản hủy hợp đồng mua bán cây giống 2111/2022/HĐKT/CLNF-BL với bà Tăng Thị H. Lý do hủy hợp đồng là do giá cây giống tăng lên. Khi bàn bạc để hủy hợp đồng trên thì chúng tôi đã thực hiện xong việc giao nhận cây giống đợt 1 với số cây 17.300 cây và cũng đã thanh toán xong giá trị của đợt 1 và chúng tôi tiếp tục kí kết hợp đồng để

giao giống đợt 2 vào ngày 28/4/2023 và đợt kí kết này ông S thực hiện với riêng bà H, không có sự tham gia của bà T.

Ngày 28/4/2023, ông S đại diện cho HTX B ký hợp đồng mua bán chanh leo số 2111/2022/HĐKT/CLNF-BL với Hợp tác xã trồng trọt do bà Tăng Thị H làm giám đốc. Ông cung ứng 34.272 cây với giá 40.000 VNĐ/cây, tổng giá trị của đợt 2 là 1.370.880.000 đồng. Đợt kí kết này là thay cho đợt 2 của hợp đồng số 2111/2022/HĐKT/CLNF-BL (không có ngày, tháng 3 năm 2023).

Ông Tạ Bạch M trình bày: ông là viên chức của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tam Đường. Quá trình làm việc tại trung tâm có triển khai thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 nên ông Minh có biết bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T vì ông M biết họ có hợp tác với nhau để thực hiện dự án phát triển cây chanh leo trên địa bàn tỉnh Lai Châu cụ thể là tại xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vào năm 2023, giữa bà H và bà T hợp tác với nhau, bà H ký bổ nhiệm bà T làm phó giám đốc Hợp tác xã Chăn nuôi, trồng trọt xã H do bà H làm giám đốc, bà T là người góp vốn cùng với bà H còn bà H đứng ra liên hệ mua cây giống, phân bón cấp hỗ trợ cho người dân. Cụ thể bà T góp vốn bao nhiêu, hai bên chia nhau lợi nhuận như thế nào thì ông M không biết.

Mỗi khi giao cây cho bà con nhân dân thì ông là đại diện cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tam Đường cùng với Ủy ban nhân dân xã H và Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện tiến hành giám sát việc giao nhận cây giống. Giao giống cây khoảng ba lần, cụ thể ngày bao nhiêu ông không nhớ (khoảng tháng 5/2023 làm ba đợt khác nhau). Đợt 1 giao 17.100 cây, đợt 2 và đợt 3 ông M không nhớ nhưng tổng cả ba đợt là 34.272 cây. Những thời điểm giao giống cây đó thì ông M có thấy bà T cùng bà H giao giống cây. Do chương trình này là hỗ trợ sau đầu tư nên chúng tôi chỉ giám sát tiêu chuẩn cây giống và số lượng giao cho nhân dân có đầy đủ và đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật không còn việc kí kết giao cây là do hợp tác xã và đơn vị cung ứng thực hiện, trong hồ sơ lưu tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp chỉ lưu giấy tờ giao tổng số cây của dự án chứ không có tài liệu giao cụ thể từng đợt. Thời điểm giao giống cây đợt 1 là 17.100 cây ông M có được thấy hợp đồng giữa các bên kí với nhau và ông M còn được biết bà T là người giao tiền số tiền hơn 500.000.000 đồng cho ông Lò Văn S là giám đốc của HTX B để thanh toán tiền cây giống, các bên có kí giao nhận tiền với nhau nhưng chúng tôi không yêu cầu họ giao nộp hợp đồng đó vì đó là việc làm ăn của các bên chúng tôi không can thiệp.

Ông Nguyễn Hữu T2 trình bày: Việc hợp tác giữa bà H và bà T ông có biết vì ông có làm ăn chung với ông Lò Văn S và hợp tác làm ăn với bà T và bà H trong việc mua bán cây giống chanh leo vào tháng 3/2023. Ông không trực tiếp kí kết hợp đồng mua bán cây giống chanh leo với ông S, bà T và bà H nhưng các đợt kí kết hợp tác làm ăn và giao giống chanh leo ông đều đi cùng ông S và ông được chứng kiến. Ông T2 làm chứng cho bà T các vấn đề về: Giá cả của hợp đồng mua

bán đợt 1 giữa ông S, bà T, bà H là 32.000 đồng/cây, đợt 1 giao làm hai lần: lần 1 giao 67 thùng, mỗi thùng 100 cây vào ngày 16/4/2023 có mặt của chị T lúc giao nhận cây, đợt 2 vào ngày 29/4/2023 giao 106 thùng, mỗi thùng 100 cây cũng có mặt chị T tham gia vào giao nhận cây.

Ông Nghiêm Xuân T1 trình bày: ông không biết việc hợp tác làm ăn giữa bà H và bà T. Ông làm chứng cho bà H về việc bà H có nhờ ông T1 chuyển hộ số tiền 531.200.000 đồng để thanh toán tiền cây giống vào số tài khoản 41110000690105, ngân hàng BIDV mang tên Lò Văn S, chuyển ngày 05/6/2023, ông chuyển làm 02 lần, lần 1 là 400.000.000 đồng, lần 2 là 131.200.000 đồng.

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T tiếp tục cung cấp các tài liệu chứng cứ mới, trong đó gồm:**

- Bản ghi mới 6 (ngày 17/5/2023), nội dung:

+ 0 giây đến 20 giây: Bà H nói: “Ví dụ thế còn 900 thì trừ tiền gốc, tiền lãi đi mất 800 còn 100 chia đôi, ví dụ thế”. Bà T nói: Lúc đấy chia nhau thì tính sau. Bà H nói “ừ đây là tớ nói thế”. Bà T nói: “Bây giờ chị vẫn muốn cho em là chị em mình là chả như đợt vừa rồi cây giống mà chị nhiều hơn em vẫn vào tiền với chị hay là em nhiều hơn thì chị lại đưa cho em”. Bà H nói: “Không bây giờ là tớ làm một mình”. Bà T nói: “ừ thế thì một mình thì dứt điểm đi liên quan gì”.

+ 22 giây đến 01 phút 06 giây: Bà T nói: “Bây giờ hơn một tháng rồi em chỉ tính cho chị một tháng như chị em mình đã nói, 700 triệu trừ 553 triệu sáu trăm em giả tiền cây giống cho thằng S”. Bà H nói: “Cái số này là vẫn chịu 700 triệu”, bà T nói: “700 triệu cách đây mấy hôm phải đến 8 hôm nay rồi”. Bà H nói: “Không biết rồi chị em mình vẫn chịu 700 triệu. Sau này, cây giống cái số tiền này đến lúc thu vẫn chịu lãi, hai chị em chia đôi, đã mặc cả rồi thì như thế, tớ làm ăn thì như này cô vay 700 triệu hay cô vay 1 tỷ thế thôi, lãi là hai chị em đều phải chịu, sau này lấy tiền về trừ vào đấy. Hợp đồng đúng như thế, ví dụ lấy tiền sau này trừ gốc, trừ lãi đi còn bao nhiêu chia đôi. Nguyên tắc là đúng hợp đồng như nào thì duyệt như thế, không thay đổi”.

+ 01 phút 07 giây đến 01 phút 35: Bà T nói: “Giống lần đầu có năm trăm năm ba triệu sáu trăm thôi”. Bà H nói: “Có tung đấy nhưng chị em mình đã vay 700 triệu”. Bà T nói “Vay bảy trăm triệu bây giờ thì chị không làm ăn với em nữa thì là chị làm”. Bà H nói “Tiền dây điện nhà bây giờ là năm trăm chị em mình vẫn chịu lãi của bảy trăm triệu đấy”, bà T nói “bảy trăm triệu cách đây tám hôm rồi chị vẫn chưa hiểu chỗ đấy”. Bà H nói “cách tám hôm rồi cô bảo cô chỉ tính một tháng thôi đúng không, nhưng mà không thể cứ để cứ để cho đến lúc có tiền. Đến lúc mà rút tiền ngân hàng ra, rút tiền nhà nước ra thì chia”.

+ 01 phút 36 giây đến 01 phút 50 giây: Bà T nói: “Nếu như chung với chị lần tới nữa được, bây giờ dây điện không phải chung nhau, dây điện của ai người đấy bán đúng không chị thì tách riêng ra thế là xong”. Bà H nói: “Mua là mua chung nhau, còn tách ra, cái gì cũng chia đôi”.

+ 01 phút 53 giây đến 2 phút 10 giây: Bà T nói: “Bây giờ em chỉ bỏ ra năm trăm năm ba triệu nhân tiền cây giống đợt vừa rồi chú S cấp bao nhiêu đấy thì chị chia cho em chia đôi thế thôi, còn chị nhiều hơn thì tất của chị em cũng không gì hết. Thôi chị không lấy tiền lãi, nếu mà chị nói thế thì tiền lãi hơn ba triệu chị cứ cắt đi, chị vẫn chưa hiểu thôi cắt đi không nói chuyện”.

+ 2 phút 15 giây đến 2 phút 44 giây: Bà H nói: “Sao lại không hiểu, hiểu là thế này này, đã vay 700 triệu, giấy ngân hàng ghi 700 triệu không sau này cô lại bảo”. Bà T nói: “Bây giờ em chỉ biết em bỏ ra 553 triệu 600 chuyển tiền chanh leo chú S thì nhân tiền lãi đấy thì chị em mình ít nữa chị bảo chia đôi, còn với sếp đâu như nào chị em mình cùng cho sau”. Bà H nói: “chị em mình cùng đi, cùng cho”. Bà T nói: “Thế đã nói thế rồi, xong nhé”

+ 02 phút 45 giây đến 04 phút 00 giây: Bà T nói: Dây điện chị hôm nọ vay em 100 triệu trừ đi, xong. Bà H nói: “Thì đây 144 triệu đúng không, 144 triệu trừ đi 100 triệu, còn 44 triệu đúng không. Bà T nói “Không”. Bà H nói: “Ơ, còn gì”. Bà T nói: “Tiền dây điện bảy mươi mấy triệu mà tiền dây điện là 72 triệu không trăm bao nhiêu mà”. Bà H nói: “Theo ý cô là tiền dây điện tớ lấy riêng đúng không bây giờ tớ giả cô đúng không”. Chị T nói: “Hôm nọ chị vay em một trăm bây giờ trừ đi 100 triệu trừ với bảy mươi mấy triệu ông Tấn lấy tiền dây điện trừ đi còn bao nhiêu thì chị giả cho em”. Bà H nói: “Bây giờ là 100 triệu trừ đi..” Bà T nói: “Bảy mươi hai triệu không trăm năm mươi, còn chị ra trồng dặm gì với cái gì, không nói nhiều cho thoải mái. Chị trừ đi, lúc này chị không có tiền, lúc nào có tiền chị đưa cho em cũng được mà, có phải ngay đâu mà phải lo”. Bà H nói: “Chị em cứ phải rành mạch ra”. Bà T nói: “Vâng, rành như thế đấy chị, chị cứ trừ 100 triệu đi”.

- Bản ghi mới 7 (ngày 17/5/2023), nội dung:

+ 57 giây đến 3 phút 11 giây: Bà T nói: “Chị H ơi, tháng trước chị có giả tiền lãi em không” Bà H đáp: “Có”. Bà T nói: “Vâng, thế chị cộng luôn cho em”. Bà T nói: “năm trăm năm ba triệu sáu trăm em chuyển tiền cây giống cho thằng S, không sai đâu”. Bà H nói: “tớ nhớ là 17.100 cây, tớ có hóa đơn mà nhân giá 32 là ra”.

- File 1 (Ngày 27/10/2023) nội dung trao đổi:

+ Từ 0 phút 0 giây đến 0 phút 10 giây: Bà T nói: “Lãi là chị em đều mất tiền lãi đúng không?” bà H nói: “đúng”.

+ Từ 1 phút 25 giây đến 1 phút 50 giây: Bà T nói: “Tháng nào chị em mình mất hơn 7,2 triệu tiền lãi”. Bà H xác nhận: “Đúng”. Bà T nói: “Tháng nào em cũng phải nộp cho chị em có bảo gì” bà H xác nhận: “Đúng”. Bà T nói tiếp: “Chị vẫn bảo rằng là bao giờ tiền lãi về trừ lãi đi còn lãi đâu là chị em mình chia nhau”. Bà H xác nhận: “Đúng”.

+ Từ 3 phút 16 giây đến 4 phút 20 giây: Bà T nói “Một tháng hai chị em mất 7,2 triệu tiền lãi Ngân Hàng Vĩnh Phúc, sót tiền không anh (nói với ông Khoa chồng bà H) mà sắp phải đến đáo hạn Ngân Hàng rồi”. Bà H đáp: “Tôi cũng biết,

không phải tôi là con người không biết”. Bà T nói tiếp: “Một tháng mất 7.2 triệu tiền lãi Ngân hàng”, Bà H nói: “Tôi biết cái gì tôi cũng biết biết, cô vay tiền này không phải một mình cô chịu lãi mà cô nói..tôi cũng chả mất à”.

- File 2 (ngày 27/10/2023) nội dung trao đổi:

+ Từ 0 phút 0 giây đến 1 phút 12 giây: Bà H nói: “Đáng lẽ tiền cây giống chanh leo cô phải chuyển vào Hợp tác xã tôi, rồi chuyển đi”. Bà T nói: “Sao chị không bảo”. Bà H nói tiếp: “Tôi cũng là người không biết, thằng Minh nói tôi mới biết, thì tôi mới phải làm mấy cái này mới giải quyết xong”. Bà T nói tiếp: “Em vay lãi Ngân hàng Vĩnh Phúc 700 triệu, cô T ơi chuyển tiền cho S đi, chị ấy Giám đốc sai phó giám đốc thì mình phải làm chứ. Tất cả mọi thứ chị nắm quyền đúng không, em có biết đâu, chị ấy bảo tại em” Bà H nói: “Tôi bảo cô này, tiền 900.000 đồng chữ ký số cô lên cô đòi lại, cô bảo làm chung mà cái gì cô cũng đòi”.

+ Từ 3 phút 38 giây đến 4 phút 19 giây: Bà T nói: “Khi nào chị giả tiền em” Bà H nói: “Khi nào tôi làm xong tôi giả tiền cô (T). Bà H nói: Tôi làm xong tôi gọi cô chú lên tôi thanh toán đầy đủ”.

+ Từ 04 phút 40 giây đến 04 phút 57 giây: Bà H nói tiếp: “Tôi phải thanh toán từng người một, kế toán bao tiền? người làm giấy tờ cho tôi bao tiền? còn bao nhiêu tiền chị em chia nhau, lỗi thì cả hai cùng chịu”.

+ Từ 05 phút 01 giây đến 05 phút 40 giây: Bà T nói: “Chị H nói nguyên văn: đợt sau tôi làm như nào kệ tôi”. Bà H xác nhận: “Đúng rồi”. Bà T nói tiếp: “Trước chị em bỏ ra hơn 500 triệu đó, khi nào được tiền lãi số cây về, tiền lãi thì trừ đi còn lãi thì chị em chia nhau”. Bà H xác nhận: “Đúng rồi, đúng đúng”.

*** Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh:**

- Tại biên bản xác minh giữa Tòa án và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tam Đường thể hiện: Thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, nghị quyết quy định chính sách phát triển Nông nghiệp hàng hoá tập trung giai đoạn 2021-2025 trong đó có về việc trồng mới cây ăn quả tập trung. Cuối năm 2022 Hợp tác xã C-T đăng ký với uỷ ban nhân dân xã H trồng 41 ha cây Chanh leo, trên cơ sở đăng ký, uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cùng các dự án khác thực hiện năm 2023. Hợp tác xã chăn nuôi trồng trọt phối hợp với uỷ ban nhân dân xã H, huyện Tam Đường (liên quan đến quản lý diện tích đất) về tổ chức thực hiện, đăng ký trồng cây chanh leo. Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp là chủ đầu tư thực hiện hỗ trợ phát triển trồng cây Chanh leo trên địa bàn huyện Tam Đường nội dung cụ thể hỗ trợ sau đầu tư, các thủ tục quy trình thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm do hợp tác xã C-T Hồ Thầu thực hiện. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tiến hành nghiệm thu hỗ trợ cùng các cơ quan chuyên môn của huyện: Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng tài chính kế hoạch, UBND xã H và các bên có liên quan với quy mô hỗ trợ cụ thể như sau: Diện tích đủ điều kiện hỗ trợ 40,6 ha (840 cây/ ha trong đó cây trồng mới 800 cây/ha số cây trồng dặm 40 cây/ha) với tổng số cây được nghiệm thu hỗ trợ là 34.104 cây, tổng số tiền hỗ trợ cây giống: 1.364.160.000^d (40.000/

cây). Số tiền hỗ trợ phân bón: 251.632.304 đồng (trong đó phân đạm ure 40.715.304 đồng, Phân supe lân Lâm Thao: 59.377.500 đồng, Phân Kaliclorua 59.377.500 đồng, Phân Hữu cơ vi sinh: 105.560.000 đồng).

Quy trình thực hiện theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, nghị quyết quy định chính sách phát triển Nông nghiệp hàng hoá tập trung giao đoạn 2021-2025 và hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 của sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Lai Châu. Việc nghiệm thu dự án (Có hồ sơ nghiệm thu) gồm các cơ quan: Phòng Nông nghiệp huyện Tam Đường, Phòng Tài chính-Kê hoạch huyện Tam Đường, uỷ ban nhân dân xã H, huyện Tam Đường và Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Tam Đường. Sau khi nghiệm thu, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu sẽ trình UBND huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

Hợp tác xã C-T sẽ tự bỏ tiền ra để thực hiện dự án trước, khi cây chanh leo phát triển đủ điều kiện Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện sẽ tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thực hiện hỗ trợ theo quy định. Trung tâm sẽ cung cấp hồ sơ cho Tòa án theo quy định.

- Tại biên bản xác minh giữa Tòa án và UBND xã H thể hiện: UBND xã H hiện vẫn đang quản lý Hợp tác xã C-T do bà Tăng Thị H thành lập. Hiện Hợp tác xã C-T vẫn đang hoạt động và có địa chỉ tại Bản Đội 4, xã H huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Việc hợp tác giữa bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T, UBND xã không nắm được. Tại thời điểm thực hiện dự án trồng cây chanh leo Hợp tác xã Chăn nuôi - trồng trọt có 07 thành viên (có ông Nguyễn Xuân S). Thực hiện công văn số 06/CV-TTĐVNN ngày 18/01/2022 của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Tam Đường về việc đăng ký nhu cầu thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung năm 2022 và căn cứ nhu cầu của nhân dân thì UBND xã Hồ Thầu chỉ lập tờ trình đăng kí nhu cầu thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung năm 2022.

- Tại biên bản xác minh giữa Tòa án và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tam Đường thể hiện: Hợp tác xã C-T, địa chỉ: Bản Đội 4, xã H huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu được thành lập ngày 15/10/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 14/11/2024. Hợp tác xã Chăn nuôi - trồng trọt có 07 thành viên và do bà Tăng Thị H là người đại diện theo pháp luật.

- Ngày 16/6/2025, được sự nhất trí của bà Nguyễn Diệp T Tòa án tiến hành truy cập vào điện thoại của bà Nguyễn Diệp T. Lý do: Bà Nguyễn Diệp T đã nộp các hình ảnh, video, file ghi âm làm tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Tòa án tiến hành xác minh nguồn gốc của các hình ảnh, video, file ghi âm mà bà T đã giao nộp. Qua quá trình kiểm tra điện thoại iphone 7 Plus (có hình ảnh kèm theo hồ sơ) ghi nhận 06 hình ảnh (có hình ảnh kèm theo). Qua quá trình kiểm tra điện thoại iphone XS max (có hình ảnh kèm theo) ghi nhận 04 hình ảnh (có hình ảnh kèm theo hồ sơ).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Diệp T trình bày: Lãi của đợt hợp tác là 138.400.000 đồng trừ số tiền 10.000.0000 đồng là tiền thuê kĩ thuật và làm giấy

tờ thủ tục và trả lãi quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng với số tiền là 38.221.151 đồng thì mỗi người được hưởng 45.089.425 đồng. Do bà T đã phải bỏ tiền cá nhân ra trả lãi nên bà H phải hoàn trả bà T số tiền lãi là 38.221.151 đồng – 3.450.000 đồng = 34.771.151 đồng. Do vậy, bà Tăng Thị H phải trả lại cho bà T tổng số tiền là: 45.089.425 đồng + 34.771.151 đồng = 79.860.576 đồng (Bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng). Tuy nhiên, quá trình thực hiện dự án bà H đã bỏ nhiều công sức nên bà T sẽ hỗ trợ bà H và bà T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà T yêu cầu bà H trả cho bà T số tiền 45.089.425 đồng.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 119, Điều 504, Điều 507, Điều 510, Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T. Buộc bà Tăng Thị H phải trả cho bà Nguyễn Diệp T số tiền 45.089.425 đồng (Bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệp T đối với số tiền: 88.576.000 đồng – 45.089.425 đồng = 43.486.575 đồng.

[2] Về án phí:

Bị đơn bà Tăng Thị H phải chịu 2.254.471 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu số tiền là 2.214.000đ (hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/000303 ngày 21/5/2024.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2025 bà Tăng Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, vì không có việc hợp tác với bà T trong dự án Chanh leo.

Là giám đốc Hợp tác xã C-T bà H khẳng định dự án Chanh leo là tư cách Hợp tác xã, do bà T không góp vốn vào HTX nên bà đã ban hành quyết định miễn nhiệm bà T, việc bà T chuyển tiền cho ông S bà không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và được thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tăng Thị H; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng hợp tác giữa các đương sự là cá nhân, trong đó bị đơn có địa chỉ tại huyện Tam Đường (cũ) nên Tòa án nhân dân khu vực 1- đơn vị kế thừa quyền nghĩa vụ của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường cũ thụ lý giải quyết theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án là đúng.

[1.2] Đơn kháng cáo của bà Tăng Thị H gửi trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn bà Tăng Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu và đề

ngiht hủy bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung vụ án trong phạm vi kháng cáo theo quy định tại các Điều 293, 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với người liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Bị đơn bà Tăng Thị H cho rằng việc hợp tác làm ăn dự án chanh leo giữa bà H và bà Nguyễn Diệp T không có sự thỏa thuận mỗi người góp vốn 50% và không có sự thỏa thuận lợi nhuận (sau khi trừ tiền gốc, lãi quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng, lợi nhuận là mỗi người sẽ hưởng một nửa (50%) trên tổng lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh dự án chanh leo). Hội đồng xét xử xét thấy:

Tháng 3 năm 2023 giữa bà Nguyễn Diệp T và bà Tăng Thị H thỏa thuận hợp tác thực hiện dự án chanh leo (mua cây chanh leo về cung cấp cho các hộ dân theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu), thỏa thuận bằng lời nói không có hợp đồng. Việc hợp tác giữa bà Tăng Thị H và bà Nguyễn Diệp T là hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự, không bắt buộc phải lập thành văn bản mà có thể được xác lập bằng hành vi thực tế và các thỏa thuận bằng lời nói, nếu có căn cứ chứng minh. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có việc thỏa thuận hợp tác, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc phân chia lợi nhuận, bà Nguyễn Diệp T khai hai bên thỏa thuận sau khi trừ tiền gốc, lãi quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng, lợi nhuận là mỗi người sẽ hưởng một nửa (50%) trên tổng lợi nhuận thu được từ việc kinh doanh dự án chanh leo, tuy hai bên không có thỏa thuận bằng văn bản nhưng bà T cung cấp 02 file ghi âm gồm bản ghi mới 6 và bản ghi mới 7 thể hiện việc nói chuyện giữa bà T và bà H ngày 17/5/2023 và 02 file video thể hiện việc nói chuyện giữa bà H và bà T vào ngày 27/10/2023. Bà Tăng Thị H đã thừa nhận giọng nói và hình ảnh trong 02 file ghi âm và 02 file video trên là của bà Tăng Thị H và nội dung nói chuyện trong video là đúng thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ các chứng cứ, trong đó có: Các file ghi âm do bà T cung cấp, được bà H thừa nhận là giọng nói của mình, thể hiện rõ việc hai bên cùng bỏ vốn, cùng chịu lãi vay và chia lợi nhuận sau khi trừ chi phí; Việc bà H bổ nhiệm bà T giữ chức vụ Phó Giám đốc Hợp tác xã Chăn nuôi - Trồng trọt để cùng thực hiện dự án; Việc bà T trực tiếp chuyển tiền thanh toán tiền giống chanh leo cho HTX Nông nghiệp Bảo S.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa bà H và bà T có thỏa thuận hợp tác, cùng góp vốn và cùng hưởng lợi nhuận. Việc bà H cho rằng không có thỏa thuận

chia lợi nhuận là không phù hợp với chứng cứ khách quan đã được xem xét. Do đó, kháng cáo này không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Bà Nguyễn Diệp T khai với Tòa án rằng bà Tăng Thị H và bà T thỏa thuận là vay tiền của ông Lê Văn T: 163.200.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) để thanh toán tiền đặt cọc giống chanh leo đợt 1 cho HTX Nông nghiệp B nhưng không có bất kỳ một văn bản, giấy tờ nào để làm căn cứ chứng minh. Việc ông T (chồng bà T) khai với Tòa án rằng bà H và bà T hỏi vay ông Tấn số tiền 163.200.000 đồng là sai sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vay từ quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng, bà T khai do thiếu tiền thanh toán tiền giống Chanh leo cho Hợp tác xã Nông nghiệp S và tiền nợ ông Lê Văn T nên bà T và bà H thỏa thuận để bà T dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 312681 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 07/09/2021 là tài sản của bà T để thế chấp vay tại Quỹ Tín dụng nhân dân xã Tam Hồng theo hợp đồng tín dụng số K.U: 245/23 ngày 13/04/2023 với tổng số tiền vay là: 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Việc thỏa thuận vay số tiền 700.000.000 đồng giữa bà T và bà H không có văn bản gì nhưng bà T có các bản ghi âm và các video thể hiện việc đồng ý vay và trả nợ. Cụ thể tại 02 file ghi âm gồm Bản ghi mới 6 và bản ghi mới 7 thể hiện việc nói chuyện giữa bà T và bà H ngày 17/5/2023 và 02 file video thể hiện việc nói chuyện giữa bà H và bà T vào ngày 27/10/2023 đã thể hiện việc bà H và bà T đã thống nhất vay số tiền 700.000.000 đồng và thỏa thuận hai bên chịu lãi của số tiền vay này. Đồng thời theo lời khai của bà H tại Tòa án thì khi bà T vay số tiền 700.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng về thì bà T bảo lấy số tiền vay của Quỹ tín dụng này để bà T và bà H trả tiền thanh toán cho ông Tấn trước và bà T và bà H phải chịu lãi của số tiền hơn 160 triệu này. Bà H đồng ý với ý kiến của bà T. Tại bảng theo dõi nhận tiền vay và trả nợ của Quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng thì vào ngày 12/5/2023, bà T đã thanh toán số tiền lãi là 6.900.000 đồng của số tiền vay 700.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời khai của bà T cho rằng bà H đã trả lãi 3.450.000 đồng và lời khai bà H là bà H đã trả lãi cho bà T hơn 3 triệu đồng.

Như vậy, số tiền 163.200.000 đồng trong tổng số 553.600.000 đồng từ khoản tiền vay của quỹ tín dụng nhân dân xã T được bà H và bà T sử dụng để thanh toán tiền đặt cọc mua giống chanh leo cho HTX Nông nghiệp B là sự kiện có thật, được chứng minh bằng: Sao kê chuyển khoản của bà T cho ông Lò Văn S; Lời khai của ông Lê Văn T tại Tòa án phù hợp với diễn biến thực tế; Các file ghi âm thể hiện việc hai bên cùng thống nhất sử dụng khoản tiền này cho dự án. Việc vay mượn giữa các bên không lập thành văn bản không làm mất giá trị pháp lý của giao dịch nếu có đủ căn cứ chứng minh bằng chứng cứ khác theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo cho rằng nội dung này “không có thật” là không có cơ sở.

[2.3] Bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà H phải có trách nhiệm trả lãi cho quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng từ ngày 13/4/2023 đến ngày 08/11/2023 là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Số tiền 700.000.000 đồng mà bà T và bà H vay chung tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng dùng vào các mục đích: Thanh toán khoản vay chung của bà T và bà H (thanh toán tiền nợ cho ông Lê Văn T) 163.200.000 đồng; Thanh toán tiếp tiền giống còn lại cho HTX Nông nghiệp Bảo S 390.400.000 đồng theo Giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 28/03/2023. Số tiền 146.400.000 đồng còn lại: bà T cho bà H vay 100 triệu đồng, 46.400.000 đồng bà T sử dụng trả dự án mua bán phân gà (số tiền 146.400.000 đồng bà T không đề nghị giải quyết trong vụ án này). Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Diệp T và bà Tăng Thị H vay tại Quỹ tín dụng xã T, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc để mua giống Chanh leo được xác định là tiền vốn góp đầu tư: 163.200.000 đồng + 390.400.000 đồng = 553.600.000 đồng.

Bà H cho rằng ngày 25/04/2023 bà H đã ban hành Quyết định bãi nhiệm chức vụ Phó giám đốc của bà Nguyễn Diệp T do bà T không đồng ý góp vốn theo Điều lệ HTX C-T và Luật Hợp tác xã. Hợp đồng mua bán giống chanh leo cũ giữa bà H, bà T và HTX Nông nghiệp B đã được hủy bỏ vào ngày 27/04/2023 nên bà H không đồng ý trả cho bà T khoản lãi này. Tại bản ghi âm “bản ghi mới 6” ngày 17/5/2023 cũng thể hiện giữa bà T và bà H đã chấm dứt hợp tác với nhau. Nếu tại thời điểm chấm dứt hợp tác, bà H thanh toán số tiền vốn góp đầu tư chung mà bà Thuý đã đứng ra vay tại Quỹ tín dụng xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc 553.600.000 đồng và lợi nhuận từ việc hợp tác thì nghĩa vụ chịu lãi mới chấm dứt. Tuy nhiên, đến ngày 08/11/2023 bà H mới chuyển trả số tiền 553.600.000 đồng cho bà T và bà T mới trả được cho quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng. Do vậy, bà H và bà T phải có trách nhiệm trả lãi cho quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng từ ngày 13/4/2023 đến ngày 08/11/2023 là $(553.600.000 \times 12\%) / 365 \times 210 \text{ ngày} = 38.221.151$ đồng là hoàn toàn có căn cứ. Thực tế, bà H đã trả lãi cho bà T 3.450.000 đồng.

Như vậy, giữa bà Nguyễn Diệp T và bà Tăng Thị H đã có việc hợp tác trong việc thực hiện dự án chanh leo và thỏa thuận về việc chia lợi nhuận của việc hợp tác. Khoản vay tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng mặc dù đứng tên bà T và ông Tấn, nhưng qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện khoản tiền vay được sử dụng trực tiếp vào mục đích thực hiện dự án chanh leo là dự án hợp tác chung; Bà H biết rõ việc vay tiền, đồng ý cho sử dụng vào dự án và đã nhiều lần trao đổi về việc trừ lãi khi quyết toán; Thực tế bà H đã thanh toán một phần tiền lãi cho bà T, thể hiện việc thừa nhận nghĩa vụ. Theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự, trường hợp nhiều người cùng hưởng lợi từ một nghĩa vụ thì phải cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đó. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H cùng chịu tiền lãi vay là đúng pháp luật, không phụ thuộc vào việc hợp đồng tín dụng đứng tên ai.

Theo đơn khởi kiện bà T đòi tổng số tiền 88.576.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 45.089.425 đồng. Do vậy cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu kiện là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ Điều 504, Điều 507, Điều 510, Điều 512 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà

T, buộc bà Tăng Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 45.089.425 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với số tiền lợi nhuận của việc mua cây chanh leo là 45.089.425 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai lăm đồng) mà bà T yêu cầu bà H phải trả đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là không có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Số tiền lợi nhuận của việc mua cây chanh leo của bà T và bà H là 17.300 cây x (40.000 đồng/cây - 32.000 đồng/cây) = 138.400.000 đồng.

Bà T khai bà và bà H bỏ chi phí để thực hiện dự án là 10.000.000 đồng. Bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh phản bác nội dung này.

Tiền lãi phải trả cho quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng từ ngày 13/4/2023 đến ngày 08/11/2023 là $(553.600.000 \times 12\%) / 365 \times 210 \text{ ngày} = 38.221.151 \text{ đồng}$.

Số tiền lợi nhuận của việc mua cây chanh leo sau khi trừ chi phí bỏ ra thực hiện dự án và tiền lãi của quỹ tín dụng nhân dân xã Tam Hồng được xác định là: 138.400.000 đồng - 10.000.000 đồng - 38.221.151 đồng = 90.178.849 đồng. Mỗi người sẽ được hưởng số tiền: $90.178.849 \text{ đồng} / 2 = 45.089.425 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền lợi nhuận phát sinh từ việc mua cây giống chanh leo là kết quả của toàn bộ quá trình đầu tư, mua giống, triển khai dự án từ đầu, trong đó có phần vốn do bà T bỏ ra trước khi bị bãi nhiệm chức vụ. Việc bà H đơn phương bãi nhiệm bà T và ký hợp đồng mới không làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán, quyết toán đối với phần vốn và lợi ích mà bà T đã đóng góp. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào số liệu tài chính, chứng từ kế toán và quá trình thu - chi của dự án để xác định mức lợi nhuận mà bà T được hưởng là 45.089.425 đồng, buộc bà H thanh toán phần lợi nhuận tương ứng cho bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá chứng cứ mà HTX Chăn nuôi trồng trọt cung cấp, không đánh giá chứng cứ của bị đơn và người làm chứng Nghiêm Xuân Thành; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tấn, người làm chứng ông Tạ Bạch Minh, ông Nguyễn Hữu Tư khai nhận với Tòa án sai sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bản án sơ thẩm đã xem xét viện dẫn, phân tích đầy đủ các tài liệu, chứng cứ do bị đơn và HTX C-T cung cấp; đã lấy lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng trình tự tố tụng, lời khai phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Việc Tòa án không chấp nhận quan điểm của bị đơn không đồng nghĩa với việc không xem xét chứng cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bà H không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh việc khai gian dối của nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T, ông Lò Văn S và những người tham gia tố tụng khác hoặc cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nghiêm trọng. Do đó, các nội dung kháng cáo này không có căn cứ.

[2.6] Bà Tăng Thị H cho rằng nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T không có tài liệu chứng cứ chứng minh ngày 17/04/2023 bà H và bà T cùng các cơ quan có

thẩm quyền của huyện và xã bàn giao 17.300 cây giống chanh leo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành lấy lời khai của người dân về việc được bàn giao cây giống chanh leo là không đúng sự thật khách quan của vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Lời khai của người làm chứng ông Lò Văn S, ông Nguyễn Hữu T2, bản ghi âm nói chuyện giữa bà T và bà H ngày 17/5/2023 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện đơn giá cây là 32.000 đồng/cây, số tiền mà bà T đã chuyển trả cho ông S là 553.600.000 đồng. Theo đó, số lượng cây các bên đã giao nhận là: $553.600.000 \text{ đồng} / 32.000 \text{ đồng/cây} = 17.300 \text{ cây}$.

Việc bàn giao cây giống được chứng minh bằng các tài liệu nghiệm thu của cơ quan chuyên môn, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ. Việc không lấy lời khai từng hộ dân không làm thay đổi bản chất vụ án, bởi số lượng cây giống đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận. Do đó, nội dung kháng cáo này là không có căn cứ.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bà Tăng Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên toà là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tăng Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lai Châu, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 293; khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 288, Điều 504, Điều 507, Điều 510, Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T. Buộc bị đơn bà Tăng Thị H phải trả cho bà Nguyễn Diệp T số tiền 45.089.425 đồng (*Bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệp T đối với số tiền: 88.576.000 đồng – 45.089.425 đồng = 43.486.575 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Tăng Thị H phải chịu 2.254.471 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Diệp T được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu số tiền là 2.214.000đ (hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/000303 ngày 21/5/2024.

-Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Tăng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000219, ngày 21/10/2025 của thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND khu vực 1- Lai Châu;
- Thi hành án tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

